



Tạp chí điện tử  
Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Công nghệ Đông Á  
Website Tạp chí: <https://vjai.org.vn>

---

## Knowledge of Cervical Cancer Among Health Sciences Students at East Asia University of Technology

Trinh Thi Hong<sup>1</sup>, Nguyen Thi Hong Anh<sup>1\*</sup>

<sup>1</sup> Faculty of Nursing, East Asia University of Technology

---

### ARTICLE INFO

*Keywords:*  
cervical cancer  
HPV  
knowledge  
students  
nursing

### ABSTRACT

The study aimed to assess knowledge of cervical cancer and related factors among 210 female health science students at East Asia University of Technology from February to April 2025. A cross-sectional descriptive design was used, with data collected through a 40-item self-administered questionnaire covering cervical cancer, risk factors, HPV, vaccination, and preventive measures. Data were analyzed using SPSS 20.0 with descriptive statistics and the Chi-square test. The results showed that fourth-year students accounted for the highest proportion, while Pharmacy students made up 57.6% and Nursing students 42.4%. Overall knowledge of cervical cancer among students was at a moderate to fairly good level; however, knowledge of risk factors, the role of HPV, and vaccination remained limited. A statistically significant association was found between knowledge and both year of study and major ( $p < 0.05$ ). In conclusion, health education communication should be strengthened, and cervical cancer prevention content should be integrated into the training curriculum to improve students' awareness.

---

\* Corresponding author

Email: [anhnth@eaut.edu.vn](mailto:anhnth@eaut.edu.vn)

DOI: <https://doi.org/10.65153/sxsvmf72>

Received: 24/03/2026; Received in revised form: 04/06/2026; Accepted: 06/06/2026

Available online: 09/06/2026

Published by: East Asia University of Technology



Tạp chí điện tử  
Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Công nghệ Đông Á  
Website Tạp chí: <https://vjai.org.vn>

## Kiến thức về ung thư cổ tử cung ở sinh viên khối ngành sức khỏe Trường Đại học Công nghệ Đông Á

Trịnh Thị Hồng<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Hồng Anh<sup>1\*</sup>

<sup>1</sup> Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Công nghệ Đông Á

### THÔNG TIN BÀI BÁO TÓM TẮT

*Từ khóa:*  
điều dưỡng  
HPV  
kiến thức  
sinh viên  
ung thư cổ tử cung.

Nghiên cứu nhằm đánh giá kiến thức về ung thư cổ tử cung và các yếu tố liên quan ở 210 sinh viên nữ khối ngành sức khỏe tại Trường Đại học Công nghệ Đông Á từ tháng 2 đến tháng 4 năm 2025. Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang, sử dụng bộ câu hỏi tự điền gồm 40 câu về ung thư cổ tử cung, yếu tố nguy cơ, HPV, vắc-xin và biện pháp phòng ngừa. Số liệu được phân tích bằng SPSS 20.0 với thống kê mô tả và kiểm định Chi-square. Kết quả cho thấy sinh viên năm 4 chiếm tỷ lệ cao nhất, khoa Dược chiếm 57,6% và khoa Điều dưỡng chiếm 42,4%. Kiến thức chung của sinh viên về ung thư cổ tử cung ở mức trung bình đến khá; tuy nhiên, hiểu biết về yếu tố nguy cơ, vai trò của HPV và tiêm vắc-xin phòng bệnh còn hạn chế. Nghiên cứu ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức với năm học và ngành học ( $p < 0,05$ ). Kết luận, cần tăng cường truyền thông giáo dục sức khỏe và lồng ghép nội dung phòng ngừa ung thư cổ tử cung vào chương trình đào tạo nhằm nâng cao nhận thức cho sinh viên.

\* Tác giả liên hệ

Email: [anhnh@eaut.edu.vn](mailto:anhnh@eaut.edu.vn)

DOI: <https://doi.org/10.65153/sxsvmf72>

Ngày nhận: 24/03/2026; Ngày nhận bản sửa: 04/06/2026; Ngày chấp nhận: 06/06/2026

Ngày online: 09/06/2026

Đơn vị xuất bản: Trường Đại học Công nghệ Đông Á

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ung thư cổ tử cung là một trong những bệnh ung thư phổ biến ở phụ nữ trên toàn thế giới và là nguyên nhân gây tử vong cao, đặc biệt tại các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình. Theo Tổ chức Y tế Thế giới, năm 2022 ước tính có khoảng 660.000 ca mắc mới và hơn 350.000 ca tử vong do ung thư cổ tử cung. Phần lớn các trường hợp bệnh có liên quan đến nhiễm virus Human Papilloma Virus (HPV) và có thể phòng ngừa hiệu quả thông qua tiêm vắc-xin và tầm soát định kỳ [10].

Tại Việt Nam, ung thư cổ tử cung là một trong những bệnh ung thư phổ biến ở phụ nữ trong độ tuổi sinh sản. Theo Bộ Y tế, ung thư cổ tử cung ở nước ta cũng là loại ung thư đứng hàng đầu, chiếm tới 25,8% các trường hợp ung thư ở nữ giới với 21.555 người mới được phát hiện bệnh và 9.345 bệnh nhân tử vong [1]. Mặc dù các biện pháp dự phòng như tiêm vắc-xin HPV và xét nghiệm sàng lọc đã được triển khai, nhưng tỷ lệ phụ nữ được tiêm phòng và tầm soát vẫn còn thấp. Nguyên nhân chủ yếu liên quan đến sự hạn chế về nhận thức và kiến thức của cộng đồng đối với bệnh [1].

Sinh viên khối ngành sức khỏe, đặc biệt là sinh viên điều dưỡng và dược, là những người sẽ tham gia vào hệ thống chăm sóc sức khỏe trong tương lai [2]. Việc trang bị đầy đủ kiến thức về ung thư cổ tử cung không chỉ giúp bảo vệ sức khỏe bản thân mà còn đóng vai trò quan trọng trong truyền thông và tư vấn sức khỏe cho cộng đồng [9]. Tuy nhiên, hiện nay các nghiên cứu đánh giá kiến thức về ung thư cổ tử

cung trong nhóm sinh viên khối ngành sức khỏe tại Việt Nam còn hạn chế. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm (1) Mô tả kiến thức về ung thư cổ tử cung ở sinh viên khối ngành sức khỏe tại Trường Đại học Công nghệ Đông Á, và (2) Xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức về ung thư cổ tử cung của sinh viên.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Đối tượng nghiên cứu:** sinh viên nữ khối ngành sức khỏe (khoa Dược và khoa Điều dưỡng) đang theo học tại Trường Đại học Công nghệ Đông Á (EAUT).

Tiêu chuẩn lựa chọn gồm (1) Sinh viên nữ ngành Sức khỏe, (2) Đồng ý tham gia nghiên cứu. Tiêu chuẩn loại trừ: Các sinh viên nữ không có mặt tại thời điểm điều tra và không đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

**2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2025 tại Trường Đại học Công nghệ Đông Á.

### 2.3. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Tất cả đối tượng thỏa mãn tiêu chuẩn lựa chọn và năm ngoài tiêu chuẩn loại trừ trong thời gian nghiên cứu đều được mời tham gia nghiên cứu. Tổng cộng có 210 sinh viên nữ đáp ứng tiêu chuẩn.

Công cụ nghiên cứu: Bộ câu hỏi khảo sát gồm 43 câu được xây dựng dựa trên bộ câu hỏi nghiên cứu của Lê Thị Bích Ngọc và cộng sự

(2018) [4], trong đó có 40 câu đánh giá kiến thức về ung thư cổ tử cung, bao gồm: Kiến thức chung về ung thư cổ tử cung, Kiến thức về phòng ngừa bệnh, Kiến thức về yếu tố nguy cơ, Kiến thức về HPV và vắc-xin. Mỗi câu trả lời đúng được tính 1 điểm, tổng điểm tối đa là 40. Kiến thức được đánh giá đạt khi tổng điểm  $\geq 23$  điểm. Điểm cắt 23 điểm được lựa chọn dựa trên nguyên tắc người tham gia trả lời đúng tối thiểu trên 50% tổng số câu hỏi kiến thức, tương ứng với mức kiến thức đạt yêu cầu cơ bản về ung thư cổ tử cung [6]. Bộ công cụ có độ tin cậy Cronbach's Alpha = 0,804.

Quy trình thu thập số liệu: Số liệu được thu thập tại Khoa Dược và Khoa Điều dưỡng, EAUT. Trước khi khảo sát, nghiên cứu viên giới thiệu mục tiêu, nội dung nghiên cứu và giải thích rõ quyền tham gia tự nguyện của đối tượng nghiên cứu. Những sinh viên nữ đồng ý tham gia được phát bộ câu hỏi tự điền để hoàn thành. Sau khi hoàn tất, phiếu khảo sát được thu lại và kiểm tra sơ bộ nhằm bảo đảm tính đầy đủ của thông tin. Kết thúc buổi khảo sát, điều tra viên cảm ơn các đối tượng đã tham gia nghiên cứu.

Phân tích số liệu: Số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Các thống kê mô tả được sử dụng để trình bày tần số và tỷ lệ phần trăm. Kiểm định Chi-square được sử dụng để đánh giá mối liên quan giữa các biến với mức ý nghĩa thống kê  $p < 0,05$ .

Đạo đức nghiên cứu: Các đối tượng tham gia nghiên cứu được giải thích rõ mục tiêu nghiên cứu và tham gia trên cơ sở tự nguyện.

Thông tin cá nhân được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu. Nghiên cứu đã được thông qua bởi Trường Đại học Công nghệ Đông Á.

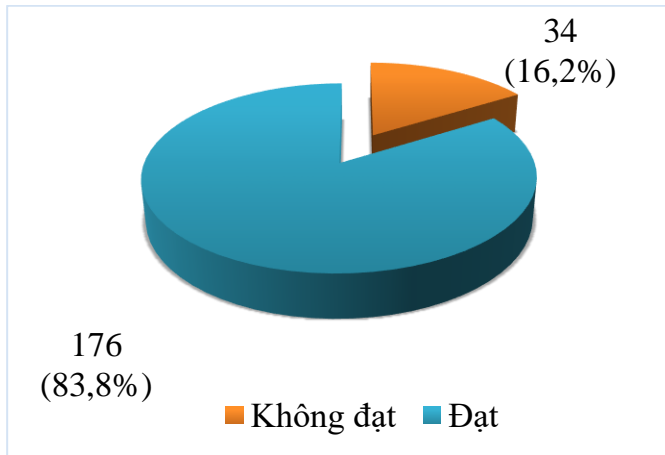
### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1 Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên 210 sinh viên nữ khối ngành sức khỏe đang theo học tại Trường Đại học Công nghệ Đông Á, trong đó sinh viên khoa Dược chiếm tỷ lệ 57,6% (121 sinh viên), cao hơn so với sinh viên khoa Điều dưỡng chiếm 42,4% (89 sinh viên) trong tổng số đối tượng khảo sát. Độ tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là  $21 \pm 3,6$ .

Sinh viên năm 4 chiếm tỷ lệ cao nhất với 36,7% (77 sinh viên), tiếp theo là sinh viên năm 3 chiếm 24,8%, năm 2 chiếm 21,4%. Nhóm sinh viên năm 1 có 17,1% (36 sinh viên). Năm 5 không có sinh viên nào tham gia vào nghiên cứu.

### 3.2 Kiến thức về ung thư cổ tử cung



**Biểu đồ 1.** Kết quả điểm số kiến thức chung về UTCTC (n =210)

Phần lớn đối tượng nghiên cứu có kiến thức đạt về UTCTC (83,8%). Số sinh viên có kiến thức không đạt chiếm tỷ lệ thấp (16,2%).

**Bảng 1.** Điểm kiến thức về ung thư cổ tử cung theo nhóm

Nhóm kiến thức	$\bar{X} \pm SD$ (Min-Max)
Kiến thức cơ bản về ung thư cổ tử cung	$9,53 \pm 2$ (3-12)
Kiến thức về phòng ngừa ung thư cổ tử cung	$6,2 \pm 1,29$ (2-9)
Kiến thức về nguy cơ mắc ung thư cổ tử cung	$5,92 \pm 1,83$ (0-8)
Kiến thức về Human Papilloma virus (HPV) và vắc-xin ung thư cổ tử cung	$6,63 \pm 1,59$ (0-9)

Nhìn chung, kiến thức cơ bản về ung thư cổ tử cung có điểm trung bình cao nhất  $9,53 \pm 2$  (3-12). Kiến thức về nguy cơ mắc ung thư cổ tử cung và kiến thức về phòng ngừa ung thư cổ tử cung là phần có điểm trung bình thấp hơn lần lượt là  $5,92 \pm 1,83$  (0-8) và  $6,2 \pm 1,29$  (2-9).

### Kiến thức cơ bản về UTCTC

**Bảng 2.** Tỷ lệ đối tượng đã được nghe các thông tin về UTCTC

Đã nghe thông tin về UTCTC	Số lượng (N)	Tỷ lệ (%)
Có biết về UTCTC	194	12,4
Chưa biết về UTCTC	16	7,6
<b>Tổng</b>	<b>210</b>	<b>100</b>

Trong tổng số 210 đối tượng tham gia khảo sát, hầu hết đều đã biết hoặc từng nghe đến UTCTC (92,4%) đối tượng. Tuy nhiên, vẫn có số ít đối tượng (7,6%) chưa từng biết tới căn bệnh này.

**Bảng 3.** Nguồn thông tin tiếp cận UTCTC

Cách tiếp cận với thông tin về UTCTC	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Ti vi	119	56,7%
Loa phát thanh, đài	68	32,4%
internet	151	71,9%
Tờ rơi, áp phích	47	22,4%
Cán bộ y tế	115	54,8%
Người thân, bạn bè	125	59,5%
Không nhớ	18	8,6%

Các đối tượng tiếp cận thông tin về UTCTC qua nhiều nguồn khác nhau. Trong đó phổ biến nhất là báo, tạp chí, internet với 71,9%, người thân, bạn bè hoặc cán bộ y tế. Các nguồn thông tin khác có thể kể tới như đài phát thanh hay tờ rơi, áp phích.

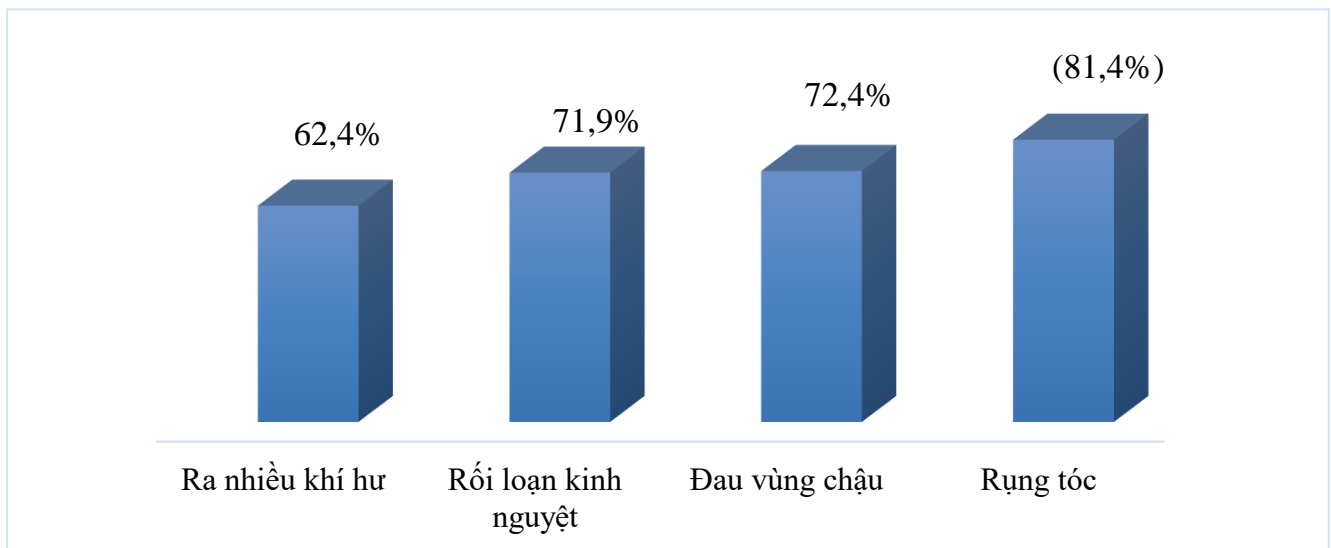
**Bảng 4.** Kiến thức về các đặc điểm của UTCTC

		Khoa Điều dưỡng		Khoa Dược	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
UTCTC là loại ung thư phổ biến ở phụ nữ	Có	82	92,1%	109	90,1%
	Không	7	7,9%	12	9,9%
UTCTC có vắc xin phòng bệnh	Có	74	83,1%	107	88,4%
	Không	15	16,9%	14	11,6%
Nếu phát hiện sớm bệnh UTCTC có thể được điều trị khỏi hoàn toàn	Có	66	74,2%	106	87,6%
	Không	23	25,8%	15	12,4%
UTCTC có di căn	Có	73	82,0%	101	83,5%
	Không	16	18,0%	20	16,5%
UTCTC có di truyền	Có	20	22,5%	34	28,1%
	Không	69	77,5%	87	71,9%

Phần lớn các đối tượng nghĩ rằng UTCTC phổ biến ở phụ nữ với tỷ lệ 92,1% ở khoa Điều dưỡng và 90,1% ở khoa Dược, có di căn nhưng có thể điều trị khỏi hoàn toàn. Khoảng

trên 80% đối tượng đã biết tới vắc-xin phòng bệnh. Ngoài ra, đa số đối tượng cho rằng UTCTC không có yếu tố di truyền.

#### **Kiến thức về biểu hiện, nguyên nhân và yếu tố nguy cơ UTCTC**

**Biểu đồ 2.** Dấu hiệu mắc UTCTC

Phần lớn các đối tượng (81,4%) cho rằng dấu hiệu mắc UTCTC là rụng tóc, tiếp đến là đau

vùng chậu và rối loạn kinh nguyệt. Dấu hiệu ra nhiều khí hư chiếm tỷ lệ thấp nhất với 62,4%.

#### **Kiến thức về phòng ngừa UTCTC**

**Bảng 5.** Kiến thức về biện pháp phòng ngừa UTCTC

Biện pháp phòng		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tiêm vắc xin	Đúng	202	96,2%
	Sai	8	3,8%
Quan hệ chung thủy	Đúng	174	82,9%
	Sai	36	17,1%
Sinh ít con	Đúng	91	43,3%
	Sai	119	56,7%
Không hút thuốc lá	Đúng	128	61,0%
	Sai	82	39,0%
Khám phụ khoa định kỳ	Đúng	201	95,7%
	Sai	9	4,3%
Điều trị viêm nhiễm cổ tử cung	Đúng	193	91,9%
	Sai	17	8,1%
Sử dụng bao cao su	Đúng	184	87,6%
	Sai	26	12,4%

Có tới 96,2% các đối tượng lựa chọn tiêm vắc-xin là biện pháp đúng, khám phụ khoa định kỳ đạt tỷ lệ đúng là 95,7%, và điều trị viêm nhiễm cổ tử cung (91,9%). Sinh ít con và không hút thuốc lá với tỷ lệ đồng tình tương ứng là 43,3% và 61%.

**Bảng 6.** Kiến thức phòng ngừa UTCTC

Kiến thức phòng ngừa UTCTC		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Bạn có biết tới khám sàng lọc UTCTC không	Không	62	36,7%
	Có	148	63,3%
Bao lâu nên khám sàng lọc định kỳ 1 lần	2-3 năm	167	79,5%
	3-5 năm	33	15,7%
	Trên 5 năm	10	4,8%
Độ tuổi nào nên bắt đầu khám sàng lọc	Dưới 21 tuổi	64	30,5%
	Trên 21 tuổi	146	69,5%

Có 63,3% đối tượng đã biết tới khám sàng lọc UTCTC. Đa số đối tượng cho rằng 2-3 năm nên khám sàng lọc định kỳ UTCTC 1 lần và nên bắt đầu khám sàng lọc từ năm 21 tuổi trở đi.

**Bảng 7.** Kiến thức về các yếu tố làm tăng nguy cơ mắc UTCTC

Yếu tố làm tăng nguy cơ mắc		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Hút thuốc lá	Đúng	116	55,2%
	Sai	94	44,8%
Dùng chung đồ vật nhiễm virus HPV	Đúng	167	79,5%
	Sai	43	20,5%
Dùng thuốc tránh thai lâu dài trên 5 năm	Đúng	137	65,2%
	Sai	73	34,8%
Viêm nhiễm đường sinh dục	Đúng	198	94,3%
	Sai	12	5,7%
Mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục	Đúng	192	91,4%
	Sai	18	8,6%
QHTD với nhiều bạn tình	Đúng	169	80,5%
	Sai	41	19,5%
QHTD sớm	Đúng	156	74,3%
	Sai	54	25,7%
Mang thai nhiều lần	Đúng	108	51,4%
	Sai	102	48,6%

Gần như toàn bộ đồng ý rằng thói quen QHTD không lành mạnh như viêm nhiễm, QHTD sớm, QHTD với nhiều bạn tình, viêm nhiễm đường sinh dục hoặc mắc các bệnh truyền nhiễm qua đường tình dục khác làm tăng nguy cơ mắc UTCTC. Ngoài ra có trên 50% đối tượng cho rằng hút thuốc lá, dùng thuốc tránh

thai trên 5 năm và mang thai nhiều lần làm tăng nguy cơ mắc UTCTC.

#### ***Kiến thức về vắc xin HPV***

Phần lớn đối tượng đã biết tới virus HPV với 188 người, tỷ lệ 89,5%, số đối tượng chưa biết tới virus HPV chiếm tỷ lệ thấp 22 (10,5%).

**Bảng 8.** Kiến thức tiêm phòng UTCTC

Kiến thức tiêm phòng UTCTC		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Độ tuổi nào nên bắt đầu tiêm vắc xin phòng UTCTC	9-13 tuổi	82	39,0%
	Trước khi QHTD lần đầu	111	52,9%
	Không biết	17	8,1%
Số liều vắc xin phải tiêm	2 mũi	15	7,1%
	3 mũi	60	28,6%
	2 mũi hoặc 3 mũi tùy phác đồ	135	64,3%

Từ bảng trên cho thấy 89,5% đối tượng đã được nghe và biết tới virus HPV. Cũng có khoảng trên 90% đối tượng cho rằng nên tiêm vắc xin từ sớm hoặc trước khi QHTD lần đầu. Số liệu vắc xin phải tiêm theo các đối tượng là 2 hoặc 3 mũi, tùy phác đồ (64,3%). Trong số các

**Bảng 9.** Mối liên quan giữa kiến thức và ngành học

Yếu tố liên quan	Phân loại kiến thức		OR (95% CI)	p	
	Đạt	Không đạt			
Khoa	Điều dưỡng	71 (79,8%)	18 (20,2%)	0,601 (0,287-1,257)	0,175
	Dược	105 (86,8%)	16 (13,2%)		

Bảng 9 cho thấy chưa thể khẳng định mối liên quan giữa kiến thức và ngành học trong khối Sức khỏe về UTCTC ( $p > 0.05$ ).

đối tượng nghiên cứu, chỉ có 77 đối tượng (36,7%) đã tiêm phòng vắc-xin UTCTC, có tới 133 đối tượng (63,3%) chưa tiêm.

### 3.3 Một số yếu tố liên quan đến kiến thức về ung thư cổ tử cung

**Bảng 10.** Mối liên quan giữa kiến thức với tiêm vắc-xin phòng UTCTC và năm học

Yếu tố liên quan	Phân loại kiến thức		OR (95% CI)	P	
	Đạt	Không đạt			
Vắc-xin	Tiêm rồi	73 (94,8%)	4 (5,2%)	5,316 (1,795-15,739)	<b>0,000</b>
	Chưa tiêm	103 (77,4%)	30 (22,6%)		
Năm học	Năm 1-2	70 (86,4%)	11 (13,6%)	1,381 (0,633-3,010)	0,170
	Năm 3-4	106 (82,2%)	23 (17,8%)		

Số lượng đối tượng có kiến thức đạt và đã tiêm phòng vắc-xin là 73 (chiếm 94,8%) và chưa tiêm là 103 (chiếm 77,4%). Trong khi đó, ở xếp loại không đạt chỉ có 4 đối tượng đã tiêm phòng (chiếm 5,2%) và chưa tiêm là 30 (chiếm 22,6%). Chỉ số OR = 5,316 cho thấy người tiêm có khả năng đạt xếp loại kiến thức cao hơn 5,316 lần so với người chưa tiêm. Khoảng tin cậy 95% là (1,795-15,739) và  $p < 0,05$  cho thấy mối liên quan giữa kiến thức và hành vi tiêm phòng vắc-xin là rất rõ ràng và có ý nghĩa thống kê. Nhìn chung sinh viên năm 1-2 có kiến thức đạt cao hơn so với năm 3-4. Với  $p > 0,05$  chưa thể khẳng định mối liên quan giữa sinh viên các năm và phân loại kiến thức.

#### 4. BÀN LUẬN

Theo kết quả nghiên cứu, kiến thức về ung thư cổ tử cung (UTCTC) của sinh viên khoa Dược và Điều dưỡng Trường Đại học Công nghệ Đông Á nhìn chung ở mức khá, nhưng

chưa toàn diện. Điểm trung bình đạt 28,28/40, với điểm cao nhất 37 và thấp nhất 11. Trong 176 sinh viên tham gia, có 83,8% đạt mức kiến thức chung về UTCTC. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thúy Hạnh với 88,2% [3] nhưng cao hơn so với nghiên cứu của Lê Thị Bích Ngọc với 56,1% [4], có thể do khác biệt về đối tượng nghiên cứu, đặc biệt nghiên cứu của Ngọc chỉ thực hiện trên sinh viên năm nhất.

Xét theo từng nội dung, kiến thức cơ bản về UTCTC đạt điểm cao nhất ( $9,53 \pm 2$ ), trong khi kiến thức về nguy cơ mắc bệnh và biện pháp phòng ngừa còn hạn chế hơn, lần lượt là  $5,92 \pm 1,83$  và  $6,2 \pm 1,29$ . Phần lớn sinh viên (92,4%) đã từng nghe về UTCTC, chủ yếu qua báo chí và internet (71,9%), cho thấy vai trò quan trọng của truyền thông trong việc nâng cao nhận thức.

Về nhận thức nguy cơ mắc ung thư cổ tử cung, nghiên cứu ghi nhận 70,2% sinh viên

cho rằng phụ nữ trên 30 tuổi có nguy cơ mắc bệnh cao hơn. Kết quả này phù hợp với đặc điểm dịch tễ của ung thư cổ tử cung, khi bệnh thường gặp ở phụ nữ trưởng thành và nguy cơ tăng theo tuổi, đặc biệt ở những phụ nữ nhiễm HPV kéo dài [10]. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận sinh viên chưa nhận thức đầy đủ về yếu tố nguy cơ này, trong đó tỷ lệ ở sinh viên khoa Điều dưỡng thấp hơn so với khoa Dược. Sự khác biệt này có thể liên quan đến nội dung đào tạo, mức độ tiếp cận thông tin chuyên ngành và kinh nghiệm học tập lâm sàng giữa các nhóm sinh viên.

Bên cạnh đó, hiểu biết của sinh viên về triệu chứng ung thư cổ tử cung còn chưa chính xác. Một số sinh viên nhầm lẫn các biểu hiện không đặc hiệu, chẳng hạn cho rằng rụng tóc là triệu chứng phổ biến của bệnh. Điều này cho thấy sinh viên có thể tiếp nhận thông tin chưa chọn lọc hoặc chưa phân biệt rõ giữa triệu chứng của ung thư cổ tử cung với biểu hiện của các bệnh lý khác hay tác dụng phụ trong điều trị ung thư. Kết quả này tương tự nghiên cứu của Mwaka và cộng sự, trong đó người tham gia có thể kể tên một số dấu hiệu cảnh báo ung thư cổ tử cung nhưng vẫn tồn tại nhiều hiểu lầm về triệu chứng và yếu tố nguy cơ [8].

Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt về UTCTC chiếm 83,8%. Mặc dù nhóm có kiến thức tốt có xu hướng tiêm vắc-xin cao hơn, nhưng tỷ lệ tiêm chủng và mức độ quan tâm đến tầm

soát vẫn còn thấp, cho thấy cần tăng cường truyền thông về vai trò của vắc-xin HPV và tầm soát UTCTC. Kết quả này cũng đã được khẳng định trong nhiều nghiên cứu [5, 7].

Kết quả nghiên cứu cho thấy có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức về UTCTC và tình trạng tiêm vắc-xin HPV. Cụ thể, nhóm sinh viên đã tiêm vắc-xin HPV có khả năng đạt kiến thức cao hơn 5,316 lần so với nhóm chưa tiêm, với  $p < 0,05$ . Kết quả này cho thấy việc tiêm chủng có thể gắn liền với mức độ nhận thức tốt hơn về ung thư cổ tử cung, HPV và các biện pháp phòng ngừa bệnh. Những sinh viên đã tiêm vắc-xin có thể đã được tiếp cận thông tin từ cán bộ y tế, gia đình, nhà trường hoặc các phương tiện truyền thông trước khi quyết định tiêm chủng. Điều này phù hợp với nhận định của Lê Bích Ngọc và cộng sự, cho rằng nhận thức, sự trao đổi thông tin trong gia đình và môi trường xã hội có vai trò quan trọng đối với việc tiếp cận các biện pháp phòng ngừa ung thư cổ tử cung ở phụ nữ trẻ [4].

Về ngành học, sinh viên khoa Dược có tỷ lệ kiến thức đạt là 86,8%, cao hơn so với sinh viên khoa Điều dưỡng là 79,8%; tuy nhiên, sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê với  $p = 0,175$ . Điều này cho thấy ngành học trong nghiên cứu này chưa phải là yếu tố quyết định rõ ràng đối với mức độ kiến thức về UTCTC. Nghiên cứu chưa ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức và năm học của

sinh viên, với  $p = 0,170$ , mặc dù nhóm sinh viên năm 1–2 có tỷ lệ đạt kiến thức cao hơn. Kết quả này cho thấy thời gian học tập tại trường chưa nhất thiết phản ánh đầy đủ mức độ hiểu biết của sinh viên về ung thư cổ tử cung. Nguyên nhân có thể do kiến thức về HPV, UTCTC và dự phòng bệnh chưa được lồng ghép đồng đều giữa các năm học hoặc sinh viên tiếp cận thông tin chủ yếu từ các nguồn ngoài chương trình đào tạo chính quy. Kết quả này tương đồng với một số nghiên cứu cho thấy kiến thức về UTCTC ở sinh viên y khoa và sinh viên khối ngành sức khỏe còn không đồng đều, phụ thuộc nhiều vào nội dung đào tạo, trải nghiệm cá nhân và mức độ tiếp xúc với thông tin truyền thông [7].

## 5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy kiến thức về ung thư cổ tử cung của sinh viên khối ngành sức khỏe Trường Đại học Công nghệ Đông Á ở mức khá, với tỷ lệ đạt 81,4% và điểm trung bình  $17,71 \pm 2,15$ . Tuy nhiên, tỷ lệ tiêm vắc-xin HPV còn thấp và kiến thức về thời điểm tiêm, tầm soát bệnh chưa đầy đủ. Kiến thức có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với tình trạng tiêm vắc-xin HPV, nhưng chưa ghi nhận mối liên quan với năm học và ngành học. Do đó, cần tăng cường truyền thông giáo dục sức khỏe và các can thiệp phù hợp nhằm nâng cao nhận thức, thúc đẩy hành vi tiêm phòng và tầm soát ung thư cổ tử cung cho sinh viên.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2023), *Mỗi năm Việt Nam có 21.550 ca mắc ung thư vú, khuyến cáo của chuyên gia chị em cần biết*, truy cập ngày 13 Feb-2026, tại trang web [https://moh.gov.vn/tin-lien-quan/-/asset\\_publisher/vjYyM7O9aWnX/content/moi-nam-viet-nam-co-21-550-ca-mac-ung-thu-vu-khuyen-cao-cua-chuyen-gia-chi-em-can-biet](https://moh.gov.vn/tin-lien-quan/-/asset_publisher/vjYyM7O9aWnX/content/moi-nam-viet-nam-co-21-550-ca-mac-ung-thu-vu-khuyen-cao-cua-chuyen-gia-chi-em-can-biet).
2. Bộ Y tế (2024), Quyết định 869/QĐ-BYT năm 2024 về phê duyệt "Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2023-2030, định hướng 2050" 869/QĐ-BYT, Bộ Y tế, chủ biên.
3. Nguyễn Thị Thúy Hạnh và các cộng sự. (2022), "Kiến thức, thái độ về phát hiện sớm ung thư cổ tử cung của sinh viên trường Đại học Y Hà Nội năm 2020 và một số yếu tố liên quan", *Tạp chí Y học Việt Nam*. 521(2), tr. 76-81.
4. Lê Thị Bích Ngọc và Ngọc Nguyễn Thị Tú (2019), "Thực trạng kiến thức, thái độ, về ung thư cổ tử cung và dự định phòng ngừa của sinh viên điều dưỡng năm thứ nhất tại trường Đại học Y dược Thái Nguyên năm 2018", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*. 194(01), tr. 27-34.
5. Ngọc Anh Duy Thạch và các cộng sự. (2023), "Knowledge of Cervical Cancer and Human Papilloma Virus among Full-time Medical Second-year Students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy",

*Cantho Journal of Medicine and Pharmacy*(60), tr. 149-156.

6. K. Kaliyaperumal (2004), "Guideline for Conducting a Knowledge, Attitude and Practice (KAP) Study", *Community Ophthalmology*.

7. S. Manikandan và các cộng sự. (2019), "Knowledge and Awareness Toward Cervical Cancer Screening and Prevention Among the Professional College Female Students", *J Pharm Bioallied Sci.* 11(Suppl 2), tr. S314-s320.

8. A. D. Mwaka và các cộng sự. (2014), "Understanding cervical cancer: an exploration of lay perceptions, beliefs and knowledge about cervical cancer among the Acholi in northern Uganda", *BMC Womens Health.* 14, tr. 84.

9. A. Suarez Mora và các cộng sự. (2018), "Effectiveness of an Educational Intervention to Increase Human Papillomavirus Knowledge in High-Risk Minority Women", *J Low Genit Tract Dis.* 22(4), tr. 288-294.

10. World Health Organization (2025), *Cervical cancer* .